TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DS-ST
Ngày: 21-4-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Văn Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Duy Mỹ Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 406/2024/TLST–DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Q hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Từ Minh C, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ F, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đậu Văn C1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ G, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 21 tháng 9 năm 2024), vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Từ Minh C là ông Đậu Văn C1 trình bày:

Ông Từ Minh C và bà Nguyễn Thị Kim D có mối quan hệ quen biết là bạn hàng với nhau từ năm 2015 cho đến năm 2024.

Ông C có đại lý phân phối thức ăn chăn nuôi gia súc. Bà D mua thức ăn gia súc (cụ thể là cám) tại đại lý của ông C. Khi mua bán không làm hợp đồng mua bán, mỗi lần bà D muốn mua cám thì liên hệ ông C, ông C sẽ giao cám tại nhà bà D, mỗi lần giao đều ghi chép lại trong sổ để theo dõi, tổng hợp.

Từ ngày 18/9/2015 đến ngày 26/7/2017, bà D mua cám của ông C nhiều lần, bà D cũng thực hiện thanh toán nhiều lần, cho đến ngày 26/7/2017 hai bên tổng hợp lại số tiền mà bà D còn nợ mua cám của ông C là 134.693.000 đồng. Đến ngày 13/4/2018, bà D kí xác nhận nợ trong sổ theo dõi mua bán cám. Tuy nhiên cho đến nay, bà D không thanh toán. Khi bà D kí xác nhận nợ có người làm chứng là ông Nguyễn Thanh T kí xác nhận phía trên chữ ký của bà D.

Ông C khởi kiện yêu cầu bà D thanh toán tiền nợ mua cám số tiền là 134.693.000 đồng và tiền lãi đối với nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 13/4/2018 đến khi tòa án xét xử: tạm tính đến ngày 13/10/2024 là 06 năm 06 tháng = 134.693.000 đồng x 0.83%/tháng x 06 năm 06 tháng = 87.200.000 đồng.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu thanh toán tiền mua hàng hóa của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Từ Minh C là ông Đậu Văn C1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời gửi bản trình bày ý kiến bổ sung về tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) như thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải, triệu tập nguyên đơn, bị đơn.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự theo quy định Điều 68 của BLTTDS.

Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của BLTTDS.

Về trình tự thụ lý thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 195 của BLTTDS, thông báo thụ lý cho đương sự và viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 196 của BLTTDS.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của BLTTDS.

Việc chuyển giao hồ sơ và gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 220 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa tuy nhiên vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về nợ gốc: Nguyên đơn cung cấp bản chính giấy xác nhận nợ viết tay ngày 13/4/2018. Đồng thời, qua lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thể hiện giữa các bên có chốt nợ với nhau về tiền mua cám là 134.693.000 đồng là có thật. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc bà D trả cho ông C số tiền nợ mua cám là 134.693.000 đồng.

Về yêu cầu tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 13/4/2018 đến ngày 13/10/2024 là 87.200.000 đồng. Nhận thấy, việc giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá giữa các bên không có thoả thuận với nhau về thời hạn trả nợ, phương thức thanh toán, không có thoả thuận với nhau về tiền lãi. Tuy nhiên, kể từ thời điểm chốt nợ ngày 13/4/2018 ông C đã đến đòi nhiều lần nhưng bà D không trả. Theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự, bên mua hàng hoá có trách nhiệm thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản, bà D không trả tiền cho bên bán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Như vậy, kể từ thời điểm chốt nợ mua bán hàng hoá với nhau ngày 13/4/2018 thì bên mua hàng hoá là bà D đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bà D trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 13/4/2018 đến ngày 13/10/2024 (tương đương 06 năm 06 tháng) là 134.693.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 năm 06 tháng = 87.200.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên, nhận thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Từ Minh C khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim D yêu cầu bà D thanh toán tiền mua cám, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Kim D có nơi cư trú tại ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Từ Minh C là ông Đậu Văn C1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hợp đồng mua bán:

Từ ngày 18/9/2015 đến ngày 26/7/2017, bà Nguyễn Thị Kim D mua cám của ông Từ Minh C nhiều lần, bà D cũng thực hiện thanh toán nhiều lần, cho đến ngày 26/7/2017 hai bên tổng hợp lại số tiền mà bà D còn nợ ông C là 134.693.000 đồng. Đến ngày 13/4/2018, bà D kí xác nhận nợ trong sổ do ông C đã tổng hợp. Khi bà D kí xác nhận nợ có người làm chứng là ông Nguyễn Thanh T kí xác nhận phía trên chữ ký của bà D.

Quá trình giải quyết vụ án: bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, được xem đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà

ông Từ Minh C đưa ra, do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Có cơ sở xác định: Hợp đồng mua bán giữa ông Từ Minh C và bà Nguyễn Thị Kim D là có thật, do hai bên tự nguyện thỏa thuận giao kết với nhau. Hai bên xác lập lại giao dịch bằng văn bản, khi giao kết hợp đồng, hai bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và có ý nghĩa ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa các bên. Do đó, ông C yêu cầu bà D trả số tiền mua cám 134.693.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về tiền lãi: Ông C yêu cầu bà D trả lãi đối với số tiền nợ mua cám, tính lãi từ ngày 13/4/2018 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm ngày 21/4/2025 là 07 năm 08 ngày, tiền lãi được tính như sau: 134.693.000 đồng x 07 năm 08 ngày x 0.83%/tháng = 94.554.486 đồng. Xét, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp quy định của pháp luật, thời gian tính lãi mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự và các Điều 5, 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11 tháng 01 năm 2019 Hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ các phân tích nêu trên xét yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 134.693.000 đồng nợ gốc và 94.554.486 đồng tiền lãi, tổng cộng là 229.187.486 đồng là có căn cứ nên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Ông Từ Minh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11 tháng 01 năm 2019 Hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Minh C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D về việc tranh chấp về hợp đồng mua bán.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim D phải trả cho ông Từ Minh C số tiền 229.187.486 (hai trăm hai mươi chín triệu một trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi sáu) đồng, trong đó bao gồm: 134.693.000 (một trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn) đồng nợ gốc và 94.554.486 (chín mươi bốn triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi sáu) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông Từ Minh C không phải chịu án phí. H lại cho ông C 5.547.331 (năm triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi mốt) đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003721 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Thị Kim D phải nộp 11.459.374 (mười một triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Tuyết